

Bản án số 20/2022/DS - ST.

Ngày: 28 - 3 - 2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thúy Kiều;

Ông Lương Hồng Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST- DS, ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST - DS, ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số x, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Quốc K – Giám đốc phụ trách phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Lo; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn “Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C V/v Ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án” (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Ánh N, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/9/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Ánh N có lập sổ vay vốn của Ngân hàng C (gọi tắt là: Ngân hàng). Ngày 01/3/2019, bà N làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn

vay để vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng theo chương trình vay Hộ cận nghèo. Mục đích vay: chăn nuôi bò. Thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng một lần. Lãi suất 7,92%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 04/3/2019 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 14/3/2019 với số tiền là 100.000.000 đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2024, bà N đã nhận đủ số tiền trên và việc vay vốn của bà N được sự ủy quyền của thành viên trong hộ là ông Nguyễn Văn T có mối quan hệ là chồng bà N. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi sau khi vay thì bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 8.000.000 đồng, tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/02/2022 là 92.838.435 đồng (Gốc: 92.000.000 đồng, lãi 838.435 đồng). Theo hồ sơ vay vốn, mục đích sử dụng vốn là nuôi bò. Tuy nhiên thời điểm hiện tại qua kiểm tra thì bà Bùi Ánh N và chồng là ông Nguyễn Văn T đã vi phạm kỳ trả nợ gốc, không còn chăn nuôi bò và cũng không có mặt tại địa phương. Vì vậy bà N và ông T đã sử dụng vốn vay sai mục đích và vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả nợ trước hạn đối với khoản vay trên.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Bùi Ánh N và ông Nguyễn Văn T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 28/3/2022 là 92.838.435 đồng, bao gồm 92.000.000 đồng tiền nợ gốc và 838.435 đồng tiền lãi và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bà N và ông T trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- *Đối với bị đơn bà Bùi Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà N và ông T, nhưng ông, bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N và ông T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N và ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2021 tại Công an xã Tân Thạnh cung cấp cho Tòa án nội dung: Bà Bùi Ánh N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng tuy nhiên tại thời điểm xác minh bà N và ông T không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:* Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 103, 280, 463,

466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn bà Bùi Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, nhưng bà N và ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N và ông T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an xã Tân Thạnh xác định bà N và ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đại chỉ Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên hiện nay bà N và ông T đã vắng mặt tại địa phương không rõ đi đâu, làm gì. Xét thấy việc thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ khi vay vốn của Ngân hàng C nhưng bà N và ông T không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú, làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HNĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[2]. Về yêu cầu thu nợ trước hạn của nguyên đơn Ngân hàng C: Căn cứ vào sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay, Ngân hàng đã giải ngân cho bà N số tiền vay là 100.000.000đồng với mục đích vay: Chăn nuôi bò và bị đơn bà N cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, sau khi vay vốn, Ngân hàng tiến hành kiểm tra thì phát hiện bị đơn sử dụng vốn sai mục đích vì bà N và ông T đã vắng mặt tại địa phương không rõ đi đâu, làm gì tại nhà bà N, ông T cũng không còn chuồng trại để nuôi bò. Khi vắng mặt tại địa phương bà N và ông T không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú, làm việc mới và đến nay đã qua 03 kỳ trả nợ gốc theo giấy đề nghị vay vốn mỗi kỳ là 20.000.000đồng, cụ thể kỳ 1 ngày 14/3/2020, kỳ 2 ngày 13/4/2021 và kỳ 3 ngày 14/3/2022; tổng cộng 03 kỳ là 60.000.000đồng tiền gốc nhưng bà N chỉ trả được 8.000.000đồng nợ gốc do đó đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của bị đơn tại tiêu mục 3.2 “Sổ vay vốn” đã ký giữa nguyên đơn với bị đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi trước hạn phù hợp với quy định về quyền của nguyên đơn tại điểm b, điểm c tiêu mục 2.1 mục 2 “Sổ vay vốn” nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán gốc và lãi trước hạn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc bị đơn bị đơn bà Bùi Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 92.000.000đồng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án Sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay của bà Bùi Ánh N cùng giấy ủy quyền về việc cử đại diện vay vốn của ông T, kèm theo sổ lưu từ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ khách hàng Bùi Ánh N, mã món vay: 6600000714669843; thì tại mục người vay có chữ ký tên Bùi Ánh N và các giấy

tờ khác có liên quan xác định bà N có vay số tiền 100.000.000đồng, được Ngân hàng giải ngân ngày 14/3/2019, bà N đã nhận số tiền này. Xét thấy việc ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa bà Bùi Ánh N dưới sự ủy quyền cử đại diện vay vốn của chồng là ông Nguyễn Văn T với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Đối với bị đơn bà Bùi Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà N và ông T nhưng bà N và ông T không có ý kiến phản đối gì, xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định bà N và ông T có thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng C số tiền 100.000.000đồng và đã trả được cho Ngân hàng 8.000.000đồng tiền gốc là có thật. Mặc dù bà N là người trực tiếp đứng tên người vay nhưng ông T là chồng bà N, là thành viên của hộ, việc vay vốn của Ngân hàng nhằm mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ và việc bà N đứng ra vay vốn của Ngân hàng được sự ủy quyền của ông T, căn cứ quy định tại Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ quan hệ dân sự của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân được đảm bảo thực hiện bằng tài sản chung của các thành viên*” do đó bà N và ông T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà N và ông T phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 92.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 103, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc bị đơn bà Bùi Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 28/3/2022 là 838.435đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của bà Bùi Ánh N kèm theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ khách hàng Bùi Ánh N, mã món vay: 6600000714669843 xác định lãi suất thỏa thuận của các bên khi cho vay trong hạn là 7,92%/năm và lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi vay. Lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc khác, theo bảng kê tính lãi khách hàng Bùi Ánh N đến ngày 28/3/2022 của nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay đến nay bị đơn đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn tính đến ngày 28/3/2022 là 22.511.384 đồng, số tiền lãi còn nợ là 838.435đồng. Do vậy, việc bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc đúng kỳ hạn và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bà N là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, bà N và ông T phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 28/3/2022 là 838.435đồng và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ

gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Từ những phân tích trên, bà Bùi Ánh N và ông Nguyễn Văn T phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 28/3/2022 với số tiền vay gốc là 92.000.000đồng, tiền lãi là 838.435đồng, tổng cộng là 92.838.435đồng. Kể từ ngày 29/3/2022, bà N và ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng C.

[6]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Bùi Ánh N và ông Nguyễn Văn T phải cùng có nghĩa vụ chịu 4.641.922 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 103, 280, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc bà Bùi Ánh N và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 28/3/2022 với số tiền vay gốc là 92.000.000đồng (Chín mươi hai triệu đồng), tiền lãi là 838.435 đồng (Tám trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng), tổng cộng là 92.838.435đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng). Kể từ ngày 29/3/2022, bà N và ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Ánh N và ông Nguyễn Văn T phải cùng có nghĩa vụ chịu 4.641.922đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo